TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Triều My và bà Châu Hồng Nga

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở A) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét 140/2025/QĐXXST-HNGD ngày 03 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST-DS ngày 23/06/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Thị Thanh M, sinh năm 1984; thường trú: Thôn Y, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh); địa chỉ: số A B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Trần Văn Đ, sinh năm 1983; thường trú: xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh); địa chỉ: số A B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh Trần Văn Đ tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39-2006, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 02/9/2006.

Thời gian đầu, chị M và anh Đ chung sống với nhau hạnh phúc, sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: quá trình chung sống, chị M và anh Đ có 02 con chung tên Trần Đăng N, sinh ngày 24/10/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 27/02/2012. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Gia H. Chị không yêu cầu anh Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Gia H. Con chung Trần Đăng N nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Văn Đ: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn anh Trần Văn Đ có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trương Thị Thanh M nhưng anh Trần Văn Đ không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/5/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 23/6/2025, ngày 23/7/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn chị Trương Thị Thanh M và anh Trần Văn Đ do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: chị M và anh Đ trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn chị Trương Thị Thanh M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/6/2025, ngày 23/7/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Thanh M và anh Trần Văn Đ tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39-2006, quyển số: 01 cấp ngày 02/9/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc chị Trương Thị Thanh M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trương Thị Thanh M và anh Trần Văn Đ có 02 con chung Trần Đăng N, sinh ngày 24/10/2006 và Trần Gia H, sinh ngày 27/02/2012. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia H. Con chung Trần Đăng N đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trần Văn Đ vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Cháu Trần Gia H mong muốn được sống chung với mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Trần Gia H được chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu Trần Gia H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: chị Trương Thị Thanh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thanh M về việc ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Thanh M được ly hôn với anh Trần Văn Đ {theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39-2006, quyển số 01 cấp ngày 02/9/2006 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình) cấp}.

Về con chung: Buộc anh Trần Văn Đ giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 27/02/2012 cho chị Trương Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Trương Thị Thanh M và anh Trần Văn Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Con chung Trần Đăng N, sinh ngày 24/10/2006, đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trương Thị Thanh M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008014 ngày 2/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND khu vực 16,TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền